

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Bản án số: 29/2022/HS-ST

Ngày 31-5-2022

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Kim Thu;

Ông Nguyễn Minh Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Trung - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Lệ Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2022/TLST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

NMN, sinh ngày 26 tháng 7 năm 1991 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 41 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông D và bà E; có vợ là F (đã ly hôn) và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/3/2022; có mặt.

- Bị hại:

Ông BH, sinh năm 1962; địa chỉ: Số 3/2 G, phường G, quận C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Người làm chứng:

Chị NLC1, anh NLC2; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 18 tháng 8 năm 2021 NMN và NLC1 được H điều khiển xe máy điện chở đến nhà ông BH chơi. Do có việc đột xuất nên H đi xe về trước, Đến khoảng 11 giờ cùng ngày NMN mượn xe mô tô Biển kiểm soát 15C1-275.60 của ông BH để chở NLC1 về và hẹn với ông BH 15 phút sau sẽ trả xe, ông BH đồng ý cho NMN mượn xe. NMN điều khiển xe đến khách sạn L, địa chỉ số 585 I, J, Hải Phòng vào phòng của anh NLC2 chơi. Tại đây NMN nảy sinh ý định cầm xe của ông BH để lấy tiền tiêu xài nên gọi điện cho H bảo: “*Anh đi về đây xem cầm xe của anh BH để lấy tiền chuộc xe của anh*” thì H đồng ý. Khoảng 20 phút sau H đến, NMN và H đem xe của ông BH đi sang K tìm nơi cầm xe nhưng không được nên cả hai quay về khách sạn L. Tại đây H gọi vào số điện thoại 0352313126 cho M (tên gọi khác là M đen) để cầm xe. Khi M đen đến khách sạn L, đồng ý cầm xe mô tô Biển kiểm soát 15C1-27560 với giá 7.000.000đồng. NMN và H cho anh NLC2 vay số tiền 2.500.000đồng. H đưa cho NMN 200.000đồng, số tiền còn lại H dùng để chuộc xe, cuộc điện thoại, thuê nhà nghỉ và mua đồ ăn. NMN dùng số tiền 200.000đồng mà H đưa cho để đi mua ma túy của một người phụ nữ không quen biết tại khu vực đường tàu N về sử dụng một mình. Sau khi cầm được xe của ông BH, NMN chủ động tắt điện thoại để ông BH không thể liên lạc được. Do không thấy NMN trả xe như đã hẹn, không thể liên lạc được với NMN nên ngày 23/8/2021 ông BH gọi điện cho H hỏi có biết NMN mượn xe của anh BH vào việc gì không thì H trả lời không biết. Khi ông BH gọi lại cho H nói muốn chuộc lại xe thì H lại bảo H biết và liên hệ với M đen để chuộc xe. Tối ngày 23/8/2021 ông BH và H đến quán 24/7 tại địa chỉ 383 O, P, Q chuyển tiền. Tại đây ông BH đưa cho H tổng số tiền là 7.220.000đồng, trong đó tiền chuộc xe là 7.160.000đồng, tiền phí là 60.000đồng. H vào trong quán nhờ nhân viên chuyển số tiền trên vào tài khoản 19036874693011 cho M đen, sau đó cả hai đi về khu vực nhà máy nước Q, J đứng đợi. Khoảng 30 phút sau có một thanh niên chưa rõ nhân thân, lai lịch, địa chỉ mang xe mô tô Biển kiểm soát 15C1-27560 đến đưa cho ông BH. Ông BH nhận xe và sau đó đến Cơ quan Công an để trình báo sự việc.

Tại Kết luận định giá tài sản số 33/KL-HĐĐGTS ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự Ủy ban nhân dân quận C kết luận:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda; số loại: Air Blade; Biển số 15C1-27560; số máy: JF46E5106654; Số khung RLHJF4619EY406619; màu sơn đen xám; chất lượng còn lại 60-62% tại thời điểm định giá tháng 9 năm 2021 là 26.000.000đồng.

Tại Cáo trạng số: 25/CT-VKSHB ngày 28-4-2022, Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng truy tố NMN về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Về xử lý vật chứng: Ông BH đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda; số loại: Air Blade; Biển số 15C1-27560 là tài sản của anh BH.

Về trách nhiệm dân sự: Ông BH yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho ông BH số tiền 9.000.000đồng. Bị cáo NMN đã bồi thường cho ông BH đầy đủ số tiền 9.000.000đồng.

Đối với H, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định khởi tố bị can số 83/QĐKTBC ngày 07/4/2022, Quyết định truy nã số 11 ngày 08/4/2022 đồng phạm với NMN về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Hết thời hạn điều tra vụ án nhưng chưa bắt được H nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng ra Quyết định tách vụ án hình sự, quyết định tại đình chỉ điều tra vụ án, quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can đối với H để điều tra, xử lý sau.

Đối với NLC1 và NLC2 có sử dụng, vay mượn tiền của NMN, tuy nhiên không biết việc NMN và H bàn bạc cầm cố xe của anh BH nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý.

Đối với M (tên gọi khác là M đen) hiện vắng mặt tại địa phương nên Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa ghi được lời khai để làm rõ ý thức chủ quan của M trong vụ án. Cơ quan Cảnh sát điều tra sẽ tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo NMN từ 15 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; thời gian thử thách là từ 30 tháng đến 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo NMN cho Ủy ban nhân dân phường B, quận C, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo; đề nghị hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo; bị cáo phải chịu án phí hình sự và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã được bồi thường đầy đủ số tiền 9.000.000đồng và không còn yêu cầu, đề nghị gì khác nên trách nhiệm dân sự đã thực hiện xong.

Về xử lý vật chứng: Không.

Bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và tội danh như Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng đã truy tố là đúng; bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tài liệu, chứng cứ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, Kiểm sát viên thu thập; bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[3] Về chứng cứ xác định bị cáo có tội: Tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng, bản kết luận định giá tài sản cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa có đủ cơ sở xác định: Vào ngày 18 tháng 8 năm 2021, NMN là người rủ H lợi dụng sự tin nhiệm của chủ tài sản, mượn tài sản là chiếc xe mô tô Biển số 15C1-27560, sau đó thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản là đem chiếc xe đi cầm cố, đến thời hạn trả lại tài sản đã dùng thủ đoạn tắt máy điện thoại mục đích để chủ tài sản không liên lạc được nhằm chiếm đoạt tài sản qua định giá có trị giá là 26.000.000đồng. Bị cáo là người có đầy đủ khả năng điều khiển hành vi và nhận thức được việc lợi dụng lòng tin của chủ tài sản để chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng do nhu cầu tiêu xài cá nhân bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy hành vi phạm tội của bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại Điều 175 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết định khung hình phạt: Trị giá chiếc xe mô tô Biển số 15C1-27560 bị cáo chiếm đoạt qua định giá là 26.000.000đồng nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự như kết luận của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bởi vậy, cần phải được xử lý thỏa đáng.

[6] Trong vụ án này, sau khi NMN mượn được xe của anh BH, NMN có vai trò là người rủ H mang xe đi cầm cố. H có vai trò là người thực hành tích cực, là người trực tiếp đi tìm và thực hiện giao dịch với người cầm đồ, nhận tiền cầm đồ, phân chia số tiền được hưởng lợi và được sử dụng số tiền hưởng lợi nhiều hơn. Bởi vậy, xác định vai trò của bị cáo NMN và H cơ bản là ngang nhau trong vụ án.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo NMN không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tại phiên tòa, bị cáo NMN thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã tự nguyện khắc phục toàn bộ thiệt hại cho bị hại, do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[9] Về hình phạt chính: Nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, do thiếu hiểu biết nên nhất thời phạm tội, bản thân có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nêu ở mục [8], có nơi cư trú rõ ràng. Do vậy, không cần thiết bắt bị cáo phải cách ly xã hội. Có thể áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương và gia đình quản lý cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục và đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

[10] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có việc làm, không có thu nhập, không có căn cứ xác định bị cáo có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

[11] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại đã được bị cáo NMN bồi thường đầy đủ số tiền 9.000.000đồng và không còn yêu cầu, đề nghị bồi thường gì khác. Do đó trách nhiệm dân sự bị cáo đã thực hiện xong nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[12] Về xử lý vật chứng: Không.

[13] Về án phí và quyền kháng cáo đối với bản án:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt: NMN 15 (Mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời gian thử thách là 30 (Ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường B, quận C, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự như sau:

Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sĩ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với bị cáo NMN.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã được bị cáo NMN bồi thường đầy đủ số tiền 9.000.000 đồng và không còn yêu cầu, đề nghị bồi thường gì khác. Do đó trách nhiệm dân sự bị cáo đã thực hiện xong nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo NMN phải nộp 200.000đồng (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- PV 06, PC10 Công an TP. Hải Phòng;
- CA quận Hồng Bàng;
- Cơ quan THAHS Công an quận Hồng Bàng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Phương